|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**  **KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ** |  |



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

MÃ NGÀNH: 7310205

*Nghệ An, 05/2021*

**MỤC LỤC**

[1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA 3](#_Toc75371318)

[1.1. Mục đích khảo sát 3](#_Toc75371319)

[1.2. Phương pháp khảo sát 3](#_Toc75371320)

[1.3. Nội dung khảo sát 3](#_Toc75371321)

[*1.3.1.* *Mục tiêu chương trình đào tạo* 3](#_Toc75371322)

[*1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo* 4](#_Toc75371323)

[1.4. Đối tượng khảo sát 11](#_Toc75371324)

[1.5. Các cấp độ đánh giá 12](#_Toc75371325)

[2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA 12](#_Toc75371326)

[2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát 12](#_Toc75371327)

[*2.1.1.* *Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát* 12](#_Toc75371328)

[*2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát* 13](#_Toc75371329)

[2.2. Phân tích kết quả khảo sát 14](#_Toc75371330)

[*2.2.1.* *Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo* 14](#_Toc75371331)

[*2.2.1.1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo* 14](#_Toc75371332)

[*2.2.1.2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo* 15](#_Toc75371333)

[*2.2.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo* 15](#_Toc75371334)

[*2.2.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết* 15](#_Toc75371335)

[*1.1.1.1* *Đánh giá về mức độ nên đạt được* 16](#_Toc75371336)

[*1.1.1.2* *Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức* 17](#_Toc75371337)

[*1.1.1.3* *Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo* 17](#_Toc75371338)

[*1.1.2* *Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo* 17](#_Toc75371339)

[*1.1.2.1* *Đánh giá về mức độ cần thiết* 17](#_Toc75371340)

[*1.1.2.2* *Đánh giá về mức độ nên đạt được* 18](#_Toc75371341)

[*1.1.2.3* *Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng* 18](#_Toc75371342)

[*1.1.2.4* *Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo* 19](#_Toc75371343)

[*1.1.3* *Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra* 19](#_Toc75371344)

[*1.1.3.1* *Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học* 19](#_Toc75371345)

[*1.1.3.2* *Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học* 20](#_Toc75371346)

[*1.1.4* *Mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng … vào quá trình đào tạo* 20](#_Toc75371347)

[*1.1.4.1* *Mức độ tham gia của nhóm đối tượng … vào quá trình đào tạo* 20](#_Toc75371348)

[*1.1.4.2* *Ý kiến góp ý khác về mức độ tham gia của nhóm đối tượng … vào quá trình đào tạo* 21](#_Toc75371349)

[2 KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT 22](#_Toc75371350)

[PHỤ LỤC 23](#_Toc75371351)

1. **TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

## 1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát nhằm đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra; góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội.

## 1.2. Phương pháp khảo sát

- Khảo sát trực tuyến thông qua website tại địa chỉ:

<http://khaosat.vinhuni.edu.vn/khaosat/?n=7310205>

- Khảo sát trực tiếp thông qua Hội nghị tham vấn các bên liên quan.

## 1.3. Nội dung khảo sát

### *1.3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo*

| **TT** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **1** | **Mục tiêu chung** |
|  | Đào tạo cử nhân quản lý nhà nước có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. |
| **2** | **Mục tiêu cụ thể** |
|  | - PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn và kiến thứccơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước; - PO2: Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp; có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước  - PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác đa ngành  - PO4: Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế |

### *1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

|  |  |
| --- | --- |
| **PO1** | **Kiến thức và lập luận ngành** |
| **PLO 1.1** | ***Vận dụng* kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước** |
| 1.1.1 | *Trình bày* kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật |
| 1.1.2 | *Áp dụng* kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh nghề nghiệp và xã hội |
| **PLO 1.2** | ***Vận dụng* kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước** |
| 1.2.1 | *Vận dụng* quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước |
| 1.2.2 | *Áp dụng* kiến thức cơ sở ngành để phát triển nghề nghiệp |
| **PLO 1.3** | ***Vận dụng* kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước** |
| 1.3.1 | *Giải thích* kiến thức chuyên sâu về quản lý nhà nước |
| 1.3.2 | *Vận dụng* kiến thức chuyên sâu vào hoạt động quản lý nhà nước |
| **PO2.** | **Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp** |
| **PLO 2.1** | ***Thể hiện* kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân** |
| 2.1.1 | *Thể hiện* kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước |
| 2.1.2 | *Có khả năn*g thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế |
| 2.1.3 | *Thể hiện* tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước |
| 2.1.4 | *Quản lý* thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước |
| 2.1.5 | *Thể hiện* kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản lý nhà nước |
| **PLO 2.2** | ***Thể hiện* phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp** |
| 2.2.1 | *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng |
| 2.2.2 | *Thể hiện* đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước |
| **PO3** | **Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp** |
| **PLO 3.1** | ***Thể hiện* kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước** |
| 3.1.1 | *Có khả năng* làm việc nhóm trong ngành quản lý nhà nước |
| 3.1.2 | *Có khả năng* hợp tác đa ngành |
| **PLO 3.2** | ***Thể hiện* kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước** |
| 3.2.1 | *Thể hiện* kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước |
| 3.2.2 | *Có khả năng* giao tiếp bằng tiếng Anh, giao tiếp đa phương tiện trong quản lý nhà nước |
| **PO4** | **Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước** |
| **PLO 4.1** | ***Phân tích* bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức** |
| 4.1.1 | *Phân tích* bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước |
| 4.1.2 | *Phân tích* vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức |
| 4.1.3 | *Phân tích* cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước |
| 4.1.4 | *Xây dựng* mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước |
| **PLO 4.2** | ***Hình thành* ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá hoạt động trong quản lý nhà nước** |
| 4.2.1 | *Hình thành* ý tưởng trong quản lý nhà nước |
| 4.2.2 | *Lập kế hoạch* trong quản lý nhà nước |
| 4.2.3 | *Thực hiện* kế hoạch trong quản lý nhà nước |
| 4.2.4 | *Đánh giá* hoạt động quản lý nhà nước |

## 1.4. Đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng khảo sát** | **Đã khảo sát** |
| 1.1 | Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 15 |
| 1.2 | Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 5 |
| 1.3 | Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật | 15 |
| 1.4 | Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 20 |
| 1.5 | Cựu sinh viên | 40 |
| 1.6 | Sinh viên | 50 |
| **Tổng** | | **145** |

## 

## 1.5. Các cấp độ đánh giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức độ đồng ý  ①: Rất không đồng ý;  ②: Không đồng ý;  ③: Không có ý kiến;  ④: Đồng ý;  ⑤: Rất đồng ý. | Mức độ cần thiết  ① Không cần thiết  ② Ít cần thiết  ③ Không biết  ④ Cần thiết  ⑤ Rất cần thiết | Mức độ nên đạt được về kiến thức  (a) Hiểu  (b) Áp dụng  (c) Phân tích  (d) Đánh giá  (e) Sáng tạo | Mức độ nên đạt được  về kỹ năng  (a) Có thể tham gia, đóng góp  (b) Có thể hiểu, giải thích  (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện  (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |

# 2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

## 2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát

### *- Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát*

Số liệu cho thấy có 15 Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát chiếm 10,4%; 5 Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động chiếm 3,1%,; 15 Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật chiếm 10,4%; 20 Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia chiếm 13,8%; 40 Cựu sinh viên chiếm 27,7%; 50 sinh viên, đang theo học ngành Quản lý nhà nước, Trường Đại học Vinh chiếm 34,6%.

Bảng 1. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng khảo sát** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1.1 | Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 15 | 10,4 |
| 1.2 | Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 5 | 3,1% |
| 1.3 | Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật | 15 | 10,4 |
| 1.4 | Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 20 | 13,8% |
| 1.5 | Cựu sinh viên | 40 | 27,7% |
| 1.6 | Sinh viên | 50 | 34,6% |
| 1.7 | **Tổng** | **145** | **100%** |

**Hình 1.** Biểu đồ phân bổ vị trí công tác của đối tượng khảo sát

### *2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát*

Kết quả khảo sát trên 145 đối tượng, trong đó Nữ có 70 người (chiếm 48,3%) và 75 người là Nam (chiếm 51,7%), kết quả thể hiện trong bảng 2 và hình 2.

Bảng 2. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giới tính** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Nam | 75 | 51,7 |
| Nữ | 70 | 48,3 |
| **Tổng** | **145** | **100%** |

**Hình 2.** Biểu đồ phân bổ giới tính của đối tượng khảo sát

## 2.2. Phân tích kết quả khảo sát

### *Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo*

### *2.2.1.1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo*

Kết quả đánh giá về mục tiêu chung của chương trình đào tạo được thể hiện qua bảng 3 và hình 3.

Bảng 3. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Nội dung 1: Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu** | | **Nội dung 2: Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp** | | **Nội dung 3: Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Rất không đồng ý | 2 | 1,4 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Không đồng ý | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Không có ý kiến | 5 | 3,5 | 2 | 1,4 | 2 | 1,4 |
| Đồng ý | 98 | 67,5 | 103 | 71 | 100 | 68,9 |
| Rất đồng ý | 40 | 27,6 | 40 | 27,6 | 43 | 29,7 |
| **Tổng** | **145** | 100% | **145** | 100% | **145** | 100% |

**Hình 3.** Biểu đồ đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

***Nhận xét:***

Kết quả cho thấy, đa số các ý kiến đều đồng ý với các mục tiêu chung của CTĐT ngành Quản lý nhà nước với hơn 90% người trả lời ở mức đồng ý trở lên.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu” có 27,6% người rất đồng ý; 67,5% người đồng ý, 3,5% là không có ý kiến và có 1,4% người rất không đồng ý.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 27,6% người rất đồng ý; 71% người đồng ý, 1,4% người không có ý kiến.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 29,7% người rất đồng ý; 68,9% người đồng ý; 1,4% người không có ý kiến.

### *2.2.1.2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo*

Trong câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, mục tiêu CTĐT ngành Quản lý nhà nước cần bổ sung thêm những nội dung nào?

Một số người khi được hỏi để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, mục tiêu CTĐT ngành Quản lý nhà nước cần rút ngắn các mục tiêu lại, súc tích hơn, nhưng diễn đạt đầy đủ các tiêu chuẩn, kỹ năng, năng lực cần đạt của 1 cử nhân Quản lý nhà nước khi tốt nghiệp.

### *2.2.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo*

### *2.2.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết*

Số liệu về đánh giá về mức độ cần thiết của chuẩn đầu ra về kiến thức của CTĐT được thể hiện trong bảng 4 và hình 4.

Bảng 4. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

| **Đối tượng khảo sát** | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 3,5 | 3,63 | 3,86 | 4,2 |
| Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 4,38 | 3,90 | 4,06 | 4,6 |
| Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật | 4,65 | 4,75 | 4,1 | 4,5 |
| Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 4,5 | 4,3 | 4,4 | 4,24 |
| Cựu sinh viên | 4,3 | 4,5 | 4,0 | 4,2 |
| Sinh viên | 4,0 | 4,3 | 4,15 | 4,23 |
| **Trung bình** | **4,22** | **4,23** | **4,09** | **4,32** |

*Ghi chú:* CĐR 1: Kiến thức và lập luận ngành; CĐR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CĐR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CĐR 4: Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước.

**Hình 4.** Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

***Nhận xét:***

Kết quả cho thấy, các chuẩn đầu ra đều được đánh giá ở mức độ Cần thiết trở lên, với điểm trung bình lớn hơn 4,0 điểm. Cụ thể, CĐR 4 về năng lực thực hành nghề nghiệp được đánh giá cao nhất với điểm trung bình 4,32 điểm. Chuẩn đầu ra này cho biết sinh viên có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CĐR 1 ( sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước) và CĐR 1( sinh viên thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp; có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước) được đánh giá về mức độ cần thiết tương đương nhau với số điểm lần lượt là 4,22 và 4,23.

### *2.2.2.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được*

Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5) của CTĐT được thể hiện trong bảng 5 và hình 5.

Bảng 5. Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng khảo sát** | **CĐR1** | **CĐR2** | **CĐR3** | **CĐR4** |
| Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 3,1 | 3,3 | 3,85 | 3,25 |
| Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 2,9 | 3,5 | 3,4 | 3,7 |
| Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật | 3,5 | 3,3 | 3,4 | 3,5 |
| Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 3,3 | 2,8 | 3,55 | 2,72 |
| Cựu sinh viên | 3,0 | 3,5 | 3,75 | 3,16 |
| Sinh viên | 3,0 | 3,1 | 2,95 | 3,11 |
| **Trung bình** | **3,13** | **3,25** | **3,48** | **3,24** |

*Ghi chú:* CĐR 1: Kiến thức và lập luận ngành; CĐR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CĐR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CĐR 4: Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước.

**Hình 5.** Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

***Nhận xét:***

Kết quả cho thấy, CĐR 3 Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp đạt điểm trung bình cao nhất với 3,48 điểm và thấp nhất là 3,13 điểm dành cho CĐR 1, áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý nhà nước. Điều này là hợp lý, vì giao tiếp là một trong những chuẩn đầu ra quan trọng và là kỹ năng mềm cần thiết nhất và nên được rèn luyện ở cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước. Họ sẽ phải thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.

### *2.2.2.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức*

Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (trung bình thang 1-5) khảo sát theo Mức độ cần thiết và mức độ nên đạt được thể hiện trong bảng 6 và hình 6.

Bảng 6. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (TB theo thang 1-5)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ/CĐR** | **CĐR1** | **CĐR2** | **CĐR3** | **CĐR4** | **Trung bình** |
| Mức độ cần thiết | 4,22 | 4,23 | 4,09 | 4,32 | **4,21** |
| Mức độ nên đạt được | 3,13 | 3,25 | 3,48 | 3,24 | **3,27** |

*Ghi chú:* CĐR 1: Kiến thức và lập luận ngành; CĐR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CĐR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CĐR 4: Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước.

**Hình 6.** Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (TB theo thang 1-5)

***Nhận xét:***

Nhìn chung, các chuẩn đầu ra đã đạt được mức độ cần thiết, trong đó các CĐR 4, CĐR 1, CĐR2 được đánh giá là các chuẩn đầu ra quan trọng, cung cấp kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành, hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Vì vậy, đây là cơ sở và tiền đề để thực hiện tốt CĐR 3.

### *2.2.2.4. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo*

Trong câu hỏi **“**Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Quản lý nhà nước cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào?” chúng tôi đã nhận được một số góp ý sau:

- Kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống và phương pháp dạy tích cực (cho sinh viên chủ động tìm hiểu, phát biểu ý kiến, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, khuyến khích sinh viên tìm tòi nghiên cứu các tài liệu tham khảo, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành);

- Tăng cường tự học cho sinh viên;

- Tăng cường các hoạt động rèn nghề;

- Học ngoại ngữ;

***2.2.3. Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo***

### *2.2.3.1. Đánh giá về mức độ cần thiết*

Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5) về CĐR về kỹ năng của CTĐT được thể hiện trong bảng 7 và hình 7

Bảng 7. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng khảo sát** | **CDR 2.1** | **CĐR2.2** |
| Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 3,23 | 3,5 |
| Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 3,5 | 3,85 |
| Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật | 3,65 | 3,75 |
| Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 3,22 | 3,82 |
| Cựu sinh viên | 3,03 | 2,65 |
| Sinh viên | 3,05 | 3,1 |
| **Trung bình** | **3,28** | **3,44** |

Ghi chú: CĐR 2.1.Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân; CĐR 2.2. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp.

Hình 7. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

***Nhận xét:***

Kết quả cho thấy, điểm trung bình của CĐR 2.2. *Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp* được đánh giá rất cần thiết với 3,44 điểm. Điều này cho thấy, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước được yêu cầu cao trong việc tuân thủ các quy định của cơ quan làm việc.

### *2.2.3.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được*

Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4) của Chuẩn đầu ra về kỹ năng của Chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng 8 và hình 8

Bảng 8. Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng khảo sát** | **CDR 2.1** | **CĐR2.2** |
| Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp | 2,57 | 2,46 |
| Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động | 3,0 | 2,0 |
| Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật | 3,0 | 3,0 |
| Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia | 2,65 | 3,0 |
| Cựu sinh viên | 2,7 | 2,83 |
| Sinh viên | 2,83 | 2,43 |
| **Trung bình** | **2,79** | **2,62** |

Ghi chú: CĐR 2.1.Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân; CĐR 2.2. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp.

**Hình 8.** Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

### *2.2.3.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng*

Kết quả đánh giá chung về kỹ năng, được thể hiện trong bảng 9 và hình 9.

Bảng 9. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng khảo sát** | **CDR 2.1** | **CĐR2.2** | **Trung bình** |
| Mức độ cần thiết (tính trung bình theo thang 1-5) | 3,28 | 3,44 | **3,36** |
| Mức độ NÊN đạt được (tính trung bình theo thang 1-4) | 2,79 | 2,62 | **2,7** |
| **Trung bình** | **3,03** | **3,03** |  |

Ghi chú: CĐR 2.1.Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân; CĐR 2.2. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp.

**Hình 9**. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

### *2.2.3.4. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo*

Với câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân?”, hầu hết những người được hỏi đều cho rằng nên tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước; có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở công ty ngoài nhà nước; giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ.

*2.2.4. Đánh giá về* *hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra*

### *2.2.4.1. Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học*

Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, trong đó xin ý kiến đánh giá về tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước; có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở công ty ngoài nhà nước; giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ đã được khảo sát trên 145 đối tượng. Kết quả chi tiết thể hiện trong bảng 10.

Bảng 10. Số liệu đánh giá chung về mức độ cần thiết thay đổi   
hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước | | Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở công ty ngoài nhà nước | | Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Rất không cần thiết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Không cần thiết | 1 | 0,7 | 2 | 1,4 | 1 | 0,7 |
| Bình thường | 10 | 6,8 | 8 | 5,5 | 5 | 3,5 |
| Cần thiết | 109 | 75,2 | 108 | 74,5 | 121 | 83,4 |
| Rất cần thiết | 25 | 17,3 | 27 | 18,6 | 18 | 12,4 |
| Tổng cộng | 145 | 100 | 145 | 100 | 145 | 100 |

***Nhận xét:***

Kết quả cho thấy là các phương pháp được đề xuất xin ý kiến đều rất cần thiết, với tỷ lệ đồng ý trên 90%. Trong đó, việc giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ là cần thiết nhất với 95,8%.

### *2.2.4.2. Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học*

Người trả lời khảo sát cho rằng kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống và phương pháp dạy tích cực (cho sinh viên chủ động tìm hiểu, phát biểu ý kiến, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, khuyến khích sinh viên tìm tòi nghiên cứu các tài liệu tham khảo, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành). Đồng thời, tăng cường thời lượng tự học cho sinh viên.

### *2.2.5. Mức độ tham gia, sẽ tham gia của quý vị/quý cơ quan vào quá trình đào tạo ngành Điều dưỡng*

### *2.2.5.1. Mức độ tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo*

Số liệu về mức độ có thể tham gia của nhóm 1, 2, 3, 4 vào quá trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước được thể hiện trong bảng 11 và hình 11.

Bảng 11. Số liệu về mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | Tham gia giảng dạy các học phần | | Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học | | Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập | | Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp | |
| Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Đã tham gia | 2 | 3,6 | 10 | 18,2 | 8 | 14,6 | 1 | 1,8 |
| Sẽ tham gia (Không thường xuyên) | 16 | 29,1 | 15 | 27,3 | 20 | 36,4 | 15 | 27,3 |
| Sẽ tham gia (Thường xuyên) | 7 | 12,7 | 10 | 18,2 | 5 | 9 | 2 | 3,6 |
| Sẽ tham gia (Rất thường xuyên) | 4 | 7,3 | 5 | 9 | 4 | 7,2 | 1 | 1,8 |
| Không tham gia | 26 | 47,3 | 15 | 27,3 | 18 | 32,8 | 36 | 65,5 |
| **Tổng cộng** | **55** | **100** | **55** | **100** | **55** | **100** | **55** | **100** |

### *2.2.5.2. Ý kiến góp ý khác về mức độ tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo*

Các cơ quan, viện nghiên cứu sẵn sàng hỗ trợ ngành Quản lý nhà nước của Trường Đại học Vinh trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

**3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Qua kết quả khảo sát mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo, chúng tôi thấy cần phải điều chỉnh để CRĐ ngắn gọn và súc tích.

*Nghệ An, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

** Trưởng khoa**

**TS. Vũ Thị Phương Lê**

# PHỤ LỤC